

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương;
2. Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 893/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 403/2022/QĐXX-ST ngày 27/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2022/QĐST- HNGĐ ngày 14/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ1, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Tô Hùng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ1, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Bà Nh và ông Tô Hùng T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 21/7/2008. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 4/2022. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tô Hùng T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nh và ông T có 02 con chung tên Tô Hùng T1, sinh ngày 31/8/2008 và Tô Thị Cẩm T2, sinh ngày 11/7/2015.

Hiện các con đang sống với bà Nh, khi ly hôn bà Nh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Tô Hùng T tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Nh nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Tô Hùng T có địa chỉ cư trú tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên căn cứ vào Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ phần trình bày của bà Nh về mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, hiện không còn sống chung, không quan tâm lo lắng cho nhau, bà Nh vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nh và ông T có 02 con chung tên Tô Hùng T1, sinh ngày 31/8/2008 và Tô Thị Cẩm T2, sinh ngày 11/7/2015. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, cháu T1 và cháu T2 từ lúc sinh ra đến nay đều sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phát triển khỏe mạnh, toàn diện, các cháu đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng mẹ nên căn cứ vào điều kiện của các bên; quyền lợi về mọi mặt và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Tô Hùng T1 và Tô Thị Cẩm T2 cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nh không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nh trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Tô Hùng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Tô Hùng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Tô Hùng T1, sinh ngày 31/8/2008 và Tô Thị Cẩm T2, sinh ngày 11/7/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Hùng T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nh không yêu cầu.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000116 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Nh đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện G, tỉnh Kiên Giang (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho